

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ỨNG HOÀ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HS-ST
Ngày: 30-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Đặng Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình V - sinh năm 1999; Nơi ĐKKTT: Thôn L, xã T, huyện Ú, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và con bà Kiều Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an thành phố H từ ngày 04/5/2024 đến nay. (Bị cáo có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Mai Văn Q – sinh năm 2004 (vắng mặt)

HKTT: Thôn C, xã T, huyện Ú, TP .

*** Người chứng kiến:** Anh Trịnh Tuấn M – sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: Thôn M, xã Đ, huyện Ú, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 04/5/2024, Thái Việt H, sinh năm 2006, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn H, xã P; Mai Văn Q, sinh năm 2004, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn C, xã T; Nguyễn Viết L1, sinh năm 2006, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn D, xã H; Nguyễn Khương T, sinh năm 2004, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn N, xã V; Nguyễn Trường D, sinh năm 2004, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Đ, xã T; Đỗ Văn V1, sinh năm 2008, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Đ, xã Đ, cùng huyện Ú, thành phố Hà Nội rủ nhau đến quán K1, địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Ú do Nguyễn Đình V, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn L, xã T, huyện Ú làm quản lý.

Khi đến quán hát được V sắp xếp vào phòng hát VIP 2, đồng thời Q gọi 06 nhân viên nữ phục vụ. V sắp xếp 05 nhân viên gồm: Bùi Thị Ngọc S, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: xóm M, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Phạm Thị C1, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Lê Thị Kỳ D1, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Lò Thị L2, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Khoảng 01 giờ sau, Q ra hỏi mua ma túy kẹo của V, V bảo quán không có thì Q đi vào phòng hát. Một lúc sau, Q tiếp tục ra hỏi mua 4.500.000 đồng ma túy Ke của V thì V đồng ý, Q chuyển tiền đến số tài khoản 9876747086 ngân hàng V2 của V số tiền 4.500.000 đồng. Theo V khai “sau khi V nhận tiền của Q thì V sử dụng điện thoại Iphone X liên hệ qua mạng xã hội phần mềm Telegram cho “H1” ở thị trấn V để hỏi mua 4.200.000 đồng tiền ma túy K và chuyển tiền cho “H1”. Khoảng 30 phút sau, “H1” mang ma túy xuống quán K1, V đi ra đầu đường lấy ma túy rồi đưa cho “H1” 4.200.000 đồng tiền mặt”. Khi lấy được ma túy, V gọi Quyển sang phòng hát số 5 để đưa ma túy cho Q, Q cầm ma túy cất ở túi quần bên phải đang mặc đi vào phòng hát. Đến khoảng 04 giờ ngày 04/5/2024, Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế và ma túy Công an huyện Ú phối hợp với Công an xã Đ, huyện Ú kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh Karaoke Lộng Gió. Tại chỗ, Mai Văn Q tự nguyện giao nộp 01 túi ni lông màu trắng, kích thước khoảng (6x4)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng và khai nhận là ma túy “Ke” mua của Nguyễn Đình V. Tổ công tác tiến hành cho vào phong bì thư niêm phong, Q chứng kiến và ký tên vào các mép niêm phong, sau đó lập biên bản đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện Ú làm việc. Cùng ngày, Nguyễn Đình V đã xin đầu thú về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Mai Văn Q như trên.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ú đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi làm việc đối với Nguyễn Đình V tại thôn Đ, xã Đ, huyện Ú, thành phố Hà Nội, kết quả: “Thu giữ tại quầy thu ngân: 01 quyển hóa đơn thanh toán gồm 15 trang có chữ ký của V tại các trang”.

Vật chứng thu giữ: 01 túi ni lông màu trắng, kích thước khoảng (6x4)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 quyển hóa đơn thanh toán gồm 15 trang

có chữ ký của V tại các trang; 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ (của Mai Văn Q); 01 điện thoại di động Nokia màu trắng (Nguyễn Đình V).

Ngày 04/5/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ú đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 727 đối với số ma túy thu giữ trên.

Tại kết luận giám định số 3293/KLGD-KTHS ngày 13/5/2024 của Phòng K2 - Công an thành phố H kết luận: “*Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni lông là ma túy Ketamine, khối lượng: 0,111 gam*”.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số:76/CT-VKS ngày 31 tháng 7 năm 2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình V về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS: xử phạt bị cáo V từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù và tính từ ngày tạm giữ ngày 04/5/2024.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: Tịch thu huỷ số ma túy gửi lại sau giám định đựng trong phong bì niêm phong; tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động Oppo màu đỏ (của Mai Văn Q) và N màu trắng (Nguyễn Đình V); tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 4.500.000 đồng theo Lệnh phong tỏa tài khoản số tiền trên trong tài khoản ngân hàng V3, số I của Nguyễn Đình V.

+ Bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi và quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, Điều tra viên Công an huyện Ú đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự và thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do

vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp, phù hợp với các quy định của BLTTHS.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình thẩm tra tại phiên tòa bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 04 giờ ngày 04/5/2024, tại quán K1 ở thôn Đ, xã Đ, huyện Ú, Nguyễn Đình V có hành vi bán trái phép 01 túi chất ma túy, giá 4.500.000 đồng cho Mai Văn Q, mục đích để kiếm lời. Sau đó, Q bị lực lượng công an kiểm tra thu giữ số ma túy trên, giám định là ma túy loại Ketamine có khối lượng 0,111 gam. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác và là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Bị cáo nhận thức được Nhà nước ta nghiêm cấm việc mua bán, sử dụng ma túy dưới mọi hình thức nhưng để đạt được mục đích của mình bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, phù hợp với tích chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về nguồn gốc số ma túy: Nguyễn Đình V khai nhận mua của một người đàn ông tên “H1”, sinh năm 1998, ở thị trấn V, huyện Ú, thành phố Hà Nội có đặc điểm cao khoảng 1,7m. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an thị trấn V, kết quả không có người tên “H1” có đặc điểm như V đã trình bày, việc mua bán ma túy chỉ có V và H1 biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ xác minh làm rõ.

[6] Đối với các vấn đề khác :

Đối với Mai Văn Q ngày 04/5/2024 đã tàng trữ trái phép 0,111 gam chất ma túy loại Ketamine mục đích để bản thân sử dụng. Xét thấy lượng ma túy dưới mức

tối thiểu quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự, bản thân Quyền chưa có tiền án, tiền sự gì liên quan đến tội phạm ma túy. Do vậy, hành vi trên của Mai Văn Q không đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 23/7/2024, Công an huyện Ú đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Mai Văn Q về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị định 144 /2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Khương T, Nguyễn Trường D, Đỗ Văn V1, Thái Việt H, Nguyễn Viết L1 là bạn của Q và Bùi Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Kiều T1, Phạm Thị C2, Lê Thị Kỳ D1, Lò Thị L2 là nhân viên phục vụ của quán Karaoke. Khi đang hát tại phòng hát VIP 2, Q tìm gặp V để mua ma túy, mục đích để sử dụng T, D, V1, H, L1, S, T1, C2, D1, Lưu đều không biết, không tham gia bàn bạc với Q nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra làm rõ quán K1, địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Ú, thành phố Hà Nội do ông Trịnh Đình M1, sinh năm 1964, hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Ú làm chủ, ngày 01/3/2024, ông M1 ký hợp đồng thuê Nguyễn Đình V làm quản lý của quán có trách nhiệm trông nom, quản lý hoạt động của quán. Quán karaoke được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 01A-8002453, hiện đang bị tạm đình chỉ hoạt động theo Quyết định tạm đình chỉ số 369 ngày 31/12/2022. Ngày 04/5/2024, lực lượng công an kiểm tra quán, ông M1 không có mặt tại quán và không biết việc Nguyễn Đình V bán trái phép chất ma túy cho Mai Văn Q. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, Công an huyện Ú có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ xử lý vi phạm đối với ông M1 về hành vi không chấp hành Quyết định tạm đình chỉ hoạt động đối với cơ sở kinh doanh Karaoke của ông M1 theo quy định tại khoản 3, Điều 30, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ (*của Mai Văn Q*) là điện thoại Q sử dụng để chuyển tiền mua ma túy cho V nên tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước

Đối với 01 điện thoại Iphone X (*của Nguyễn Đình V*), khi lực lượng công an kiểm tra, V đã ném chiếc điện thoại đi mất, lực lượng công an tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không giải quyết.

Đối với điện thoại di động N1 màu trắng thu của Nguyễn Đình V, xác định là của V dùng liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc mua bán ma túy nhưng tại phiên toà, bị cáo trình bày chiếc điện thoại đã cũ, không còn giá trị sử dụng, bị cáo tự nguyện sung ngân sách nhà nước nên tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 quyển hoá đơn gồm 15 trang có chữ ký của V, xác định là hoá đơn ghi chép khi khách đến thuê phòng hát và thanh toán ra về, không liên quan đến việc mua bán ma túy. Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ư chuyển theo công văn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ xử lý vi phạm đối với ông M1 về hành vi không chấp hành Quyết định tạm đình chỉ hoạt động đối với cơ sở kinh doanh Karaoke của ông M1 là có căn cứ nên không giải quyết.

[8] Về biện pháp phong tỏa tài sản: Đối với số tiền 4.500.000 đồng Mai Văn Q chuyển cho Nguyễn Đình V để trả tiền mua ma túy, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 310/LPT-CSĐT ngày 09/5/2024 đối với số tiền trên trong tài khoản ngân hàng V3, số I của Nguyễn Đình V đây là số tiền co phạm tội mà có nên cần hủy lệnh phong tỏa để tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước số tiền 4.500.000 đồng.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V **36** (*ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ số ma túy gửi lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong nguyên vẹn đề Công an Thành phố H, Đơn vị Công an huyện Ư, tên đối tượng Mai Văn Q, năm sinh 2004, HKTT: Trầm Lộng, Ư, Hà Nội. Ngày niêm phong 04/5/2024, mặt bên của phong bì có chữ ký của giám định viên, cán bộ điều

tra, đối tượng Mai Văn Q và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ư tại các mép niêm phong.

Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu đỏ nhãn hiệu Oppo (của Mai Văn Q) và 01 điện thoại di động Nokia màu trắng (của Nguyễn Đình V).

(Tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 05/8/2024)

4. Về biện pháp phong tỏa tài sản: Huỷ bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản số: 9876747086 của Nguyễn Đình V tại Ngân hàng N2 để tịch thu số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào Ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Ngân hàng VIB;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Bích Hằng